

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2025/DS-ST
Ngày 25 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Việt Khải
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh Phú Mỹ; Địa chỉ: ấp Thọ M, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ M, sinh năm 1999; Địa chỉ: số 20, ấp Bà Đ, phường L, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng X theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2025 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồng Văn N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Ông Hồng Hà C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.2. Bà Mai Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/3/2023, anh Nguyễn Hoàng X là chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh Phú Mỹ ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Hồng Văn N, ông Hồng Hà C. Theo nội dung thỏa thuận Hộ kinh doanh Tân Quang Minh Phú Mỹ (gọi tắt Hộ kinh doanh) sẽ bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, Grobest và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản, số lượng cụ thể sẽ do ông N, ông C đặt hàng gửi cho Hộ kinh doanh cung cấp, thời hạn hợp đồng là đến ngày 31/12/2023, giá bán sẽ được niêm yết và được ghi trực tiếp trong sổ mua hàng. Tại mỗi lần giao hàng, các bên đều có kiểm tra số lượng hàng hóa, giá cả và ký xác nhận số tiền nợ của mỗi lần giao hàng. Đồng thời, sau mỗi vụ tôm thì ông N, ông C phải thông báo cho Hộ kinh doanh biết để xuống thu tiền hoặc ông N, ông C mang tiền đến cửa hàng trả trực tiếp hoặc chuyển trả vào tài khoản của Hộ kinh doanh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do nuôi tôm không đạt nên ông N, ông C không đặt hàng và Hộ kinh doanh cũng không cung cấp hàng nữa. Đến ngày 31/7/2023, hai bên đối chiếu công nợ theo đó ông N, ông C còn nợ Hộ kinh doanh số tiền 56.555.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Do bà Hà Thị L là vợ của ông Hồng Văn N, bà Mai Thị T là vợ của ông Hồng Hà C, việc ký hợp đồng mua bán trên giữa ông N, ông C với Hộ kinh doanh nhằm mục đích nuôi tôm công nghiệp để tìm kiếm lợi nhuận, phục vụ chi phí sinh hoạt trong gia đình nên khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, anh X là chủ Hộ kinh doanh khởi kiện yêu cầu ông N, ông C cùng bà L, bà T cùng có trách nhiệm trả một lần hết số tiền còn nợ là 56.555.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, anh X không yêu cầu khoản nào khác.

Đối với ông Hồng Văn N, ông Hồng Hà C, bà Mai Thị T và bà Hà Thị L (bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án), Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tuy đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy tuy bị đơn cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án biết về việc khởi kiện của nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng

minh của mình theo quy định của pháp luật nên việc nguyên đơn trình bày giữa các bên không có tranh chấp về giá cả, số lượng, chất lượng hàng hóa đã mua bán là có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, các bên mua bán với nhau có ký kết hợp đồng mua bán vào ngày 25/3/2023 và sau khi chấm dứt hợp đồng, giữa các bên có đối chiếu xác nhận công nợ vào ngày 31/7/2023, bị đơn có ký tên xác nhận với số tiền bị đơn còn nợ lại là 56.555.000 đồng mà không có ý kiến gì về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ, mặc dù hợp đồng được giao kết giữa nguyên đơn với bị đơn nhưng đến thời điểm xét xử giữa bị đơn với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng mà chưa có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án có thẩm quyền giải quyết cho ly hôn. Hơn nữa, bị đơn cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không cung cấp giấy tờ, tài liệu để chứng minh trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có thỏa thuận bằng văn bản về việc làm ăn, kinh doanh riêng và tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ mà mình giao kết nên có cơ sở xác định việc bị đơn ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc, hóa chất để phục vụ cho việc nuôi tôm trong gia đình là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại các Điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần buộc bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm cùng trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Đối với việc tính lãi, nguyên đơn cho rằng kể từ ngày đối chiếu công nợ đến nay, bị đơn cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không trả được khoản tiền nào cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với thỏa thuận tại khoản 6.5 Điều 6 của hợp đồng mua bán quy định về việc tính lãi suất chậm trả, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, theo đó khoản lãi chậm trả được tính từ ngày 01/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2025) là:

$(02 \text{ năm } 24 \text{ ngày } \times 56.555.000 \text{ đồng}) \times 10\% = 11.688.032 \text{ đồng, làm tròn } 11.688.000 \text{ đồng.}$

[6] Từ phân tích, đánh giá tại [3], [4] và [5], số tiền vốn và lãi nguyên đơn được chấp nhận là: $(56.555.000 \text{ đồng} + 11.688.000 \text{ đồng}) = 68.243.000 \text{ đồng}$ (sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

[7] Đối với việc trả nợ một hay nhiều lần, Hội đồng xét xử xét thấy việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên đề cập xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh Phú Mỹ.

Buộc ông Hồng Văn N, ông Hồng Hà C, bà Mai Thị T và bà Hà Thị L cùng có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh Phú Mỹ các khoản với số tiền là 68.243.000 đồng (sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh Phú Mỹ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Hồng Văn N cùng ông Hồng Hà C, bà Mai Thị T và bà Hà Thị L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Hồng Văn N, ông Hồng Hà C, bà Mai Thị T và bà Hà Thị L phải nộp số tiền 3.412.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng - chưa nộp).

Anh Nguyễn Hoàng X không phải nộp. Ngày 19/5/2025, anh X đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.660.300 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu số 0004143 được trả lại toàn bộ cho anh X.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lâm Hoài Ân